



ĐÔI NÉT VỀ GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở TRUNG QUỐC

• TS. PHẠM ĐỨC QUANG

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

1. Về phân ban, phân hoá, phân luồng ở Trung Quốc (TQ)

Để trả lời câu hỏi học sinh (HS) sau trung học cơ sở (THCS) nên học theo con đường nào, TQ cũng gặp khó khăn như Việt Nam. Hiện nay ở TQ sau THCSHS có thể chọn hoặc trung học chuyên nghiệp (THCN), hoặc trung học kĩ thuật (THKT) nghề nghiệp, hoặc trung học phổ thông (THPT).

Khi nói phân luồng ở TQ người ta thường chú ý hai yếu tố: Một là, xu hướng giá trị xã hội. Ở TQ có quan niệm cứ học lên cao là tốt, có học vấn cao sẽ được mọi người coi trọng,... Hai là, xu hướng học nghề, khi kinh tế phát triển, các ngành có hiệu quả kinh tế cao đã tác động vào ý thức người dân, do đó HS cũng thay đổi quan niệm về chọn nghề để đi làm, kiếm sống.

Trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở TQ, giáo dục (GD) nghề nghiệp có xu hướng được HS chọn ngày càng nhiều hơn. Đối tượng này sau khi học, ra trường đi làm và kiếm tạm đủ sống thường cũng có nhu cầu học lên, nên TQ đã nghiên cứu để mở thêm đại học (ĐH) nghề nghiệp. TQ cũng có ĐH tự học, tức là người học có thể không cần đến trường, mà chỉ cần học theo các chứng chỉ, sau đó tham dự các kì thi do Nhà nước tổ chức. Diện này ở TQ cũng có rất nhiều học viên, thậm chí có học viên ở độ tuổi trên 60. Cùng với sự phát triển khoa học kĩ thuật (KHKT), nhu cầu HS học nghề rất lớn, GD của TQ hiện chưa đáp ứng được. Do đó, ở TQ có hiện tượng các ngành nghề cùng với GD tham gia tổ chức các cuộc thi tài năng, người nào đoạt giải ở kì thi đó thì được nhà máy, xí nghiệp,... đưa về công tác, khi ấy anh ta vừa học vừa làm. Hình thức này được rất nhiều HS hưởng ứng. Mặt khác, ở các trường dạy nghề tỉ lệ HS tốt nghiệp xong có việc làm ngay rất cao. TQ có tổ chức kì thi tay nghề dành cho người lớn, có hiện tượng những người đã tốt nghiệp ĐH ở một ngành nào đó, nhưng do thu nhập không đáp ứng nguyện vọng họ đã đi học nghề và tham gia thi tay nghề để có cơ hội chuyển

sang nghề có thu nhập tốt hơn.

Về phân hoá, ở trường phổ thông có môn bắt buộc nâng cao đối với HS giỏi, đáp ứng đối với HS trung bình. HS trong lớp chọn cấp độ nâng cao hay cấp độ đáp ứng tùy theo năng lực và sở thích của mỗi em. Từ đó có 2 loại hình tổ chức lớp học, lớp chính quy thì có GV chủ nhiệm còn ở lớp tự chọn thì chỉ theo danh sách. Đến giờ tự chọn HS không học theo lớp, mà học theo trình độ đã đăng kí. Các môn tự chọn được chia thành 3 loại giáo trình, lựa chọn để đáp ứng sở thích, lựa chọn để nâng cao, lựa chọn để bổ sung kiến thức.

Khi thực hiện tự chọn TQ cũng gặp những khó khăn, như GV không có năng lực dạy theo sở thích của HS, mà nguyên nhân chính là khi đào tạo ở trường ĐH vấn đề này chưa được chú ý đưa vào chương trình. Hoặc khó khăn về điều kiện phòng học, thiết bị phục vụ việc dạy,... chưa bảo đảm yêu cầu. Hiện nay ở TQ có tình trạng là HS thích học môn nào thì lớp đó đông lên (khoảng chừng 40 đến 80 HS), vì vậy không tổ chức dạy phân hoá được. Như vậy, khi thiết kế về phân ban, phân luồng thì có mô hình lí tưởng, nhưng trong thực tiễn vẫn có nhiều điều bất cập, chưa khắc phục được.

Các con số thống kê cho thấy ở TQ, sau THCS có khoảng 62% vào THPT và khoảng 38% vào các trường nghề. TQ đang phấn đấu trong thời gian tới đạt được tỉ lệ 5:5. Tuy nhiên, tỉ lệ phân luồng không cố định và không bắt buộc, vì nó tùy thuộc vào thời điểm, ý thích của HS, địa phương,... Những năm gần đây xu hướng HS vào trường nghề đông hơn, vì dịch vụ đã phát triển, có thu nhập tốt, chẳng hạn các ngành du lịch, khách sạn, nấu nướng,... được nhiều HS quan tâm.

Việc phân luồng được căn cứ vào kết quả thi của HS và khuynh hướng nghề nghiệp để chia HS theo các cấp, bậc học, hướng HS đi theo các kênh, vào học các trường khác nhau, chứ không căn cứ vào dân tộc, tôn giáo. Nghĩa

là căn cứ vào nhu cầu mà có biện pháp GD khác nhau, sao cho HS có thể trở thành nhân tài cho đất nước ở những trình độ khác nhau.

Có thể phân luồng theo nhóm dựa trên kết quả học tập, hoặc phân luồng ngay từ lớp đầu cấp THPT, hoặc phân luồng ở lớp 11. Có thể phân luồng theo trường trọng điểm, trường không trọng điểm. HS nào có năng lực khá có thể được xét vào trường chất lượng cao và ngược lại. Như vậy, sự phân luồng tùy theo thực lực của mỗi em, từ đó có phương pháp dạy học khác nhau.

TQ đã thực hiện các hình thức phân luồng sau. Thứ nhất, phân thành 2 ban là Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội, áp dụng từ lớp 11. Việc chia các em vào ban, tất nhiên, được căn cứ vào kết quả học tập, sở thích và nguyện vọng của HS. Thứ hai, phân theo loại hình trường học, khi đó có 2 loại, một loại do Bộ GD quản lí, gồm trường THPT nghề nghiệp, THPT, THPT tổng hợp, loại khác do các bộ khác quản lí, như trường trung cấp chuyên nghiệp, trường trung cấp kĩ thuật. Ví dụ: ở Bắc Kinh thì THPT và THPT nghề chiếm tỉ lệ lớn nhất, các trường khác chiếm tỉ lệ ít hơn. Hiện nay các loại hình trường nói trên vẫn phát triển khá tốt. Với vùng kinh tế phát triển loại hình trường THPT nghề nghiệp hiện chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường về nguồn nhân lực. Còn ở một số vùng kinh tế chưa phát triển thì trường THPT tổng hợp nảy sinh để đáp ứng yêu cầu địa phương.

Các nhà trường dựa trên kết quả thi và kết quả đánh giá tổng hợp (đạo đức, hoạt động xã hội,...) mà giới thiệu các em vào loại hình thích hợp. Kết quả của việc giới thiệu này chưa đồng đều. Với những thành phố lớn thì kết quả giới thiệu khoảng từ 40% đến 50%. Nhưng ở những địa điểm khác thì có thể thấp hơn. Ngoài việc dự thi vào các trường cao hơn, hoặc được sự giới thiệu của trường như trên thì HS còn có thể tự đăng kí vào học các trường.

Chính sách phân luồng được thực hiện căn cứ vào nguyện vọng HS, vào kết quả trao đổi giữa nhà trường và gia đình. Thực tiễn cho thấy các vùng, miền khác nhau có sự chênh lệch nhau khá lớn về tỉ lệ phân luồng. Theo kết quả điều tra, tỉ lệ HS THPT và nghề ở Bắc Kinh khác nhau, HS vào THPT lớn hơn HS vào trường nghề. Ngay trong một địa phương thì tỉ lệ HS vào THPT và TH nghề cũng khác nhau theo thời

gian, chẳng hạn trước đây có tỉ lệ là 30 – 70, sau đó chuyển dần sang 50 – 50, thì nay lại có xu hướng ngược lại là 70 – 30. Các nguyên nhân cơ bản gồm: do hệ thống các trường ĐH được mở rộng, thu hút lượng HS THPT vào ĐH nhiều hơn; thứ hai, do hệ thống CĐ - ĐH nghề chưa phát triển, nên HS sau khi tốt nghiệp trường nghề không có điều kiện học lên, mà tâm lí người dân TQ càng học lên cao càng tốt; thứ ba, sau khi học nghề ra trường, đi làm thì lương (hay thu nhập) của họ thường vẫn còn thấp, nên không khuyến khích được HS. Làm thế nào để đạt đến tỉ lệ hợp lí trong từng địa phương, từng trường, từng vùng, miền là vấn đề luôn được quan tâm và cũng là vấn đề khó khăn?

2. Về trường trung học phổ thông nghề nghiệp ở TQ

Trường đào tạo nhân viên đối ngoại Bắc Kinh (Beijing Foreign Affairs School) là một trường thuộc loại này. Đây là trường THCN và dạy nghề hệ tuyển THCS và là trường trung cấp nghề nghiệp trọng điểm của Nhà nước, đã thành lập được 26 năm, từng bước tăng dần các chuyên ngành đào tạo. Lúc đầu chỉ có khách sạn và du lịch, đến nay đã có 10 chuyên ngành. Trường hiện có 2400 HS và 300 GV. Trường có 1 trụ sở chính, chủ yếu đào tạo và thực hành về du lịch và nấu ăn, ngoài, ra trường còn có 1 khách sạn tại Bắc Kinh liên doanh với một công ty du lịch và 1 khách sạn do nhà trường đầu tư và làm chủ, từ ban giám đốc đến nhân viên phục vụ. Căn cứ theo quy hoạch của Bộ GD trường còn có thêm 3 phân hiệu ở các quận và một số cơ sở thực nghiệm như khách sạn, nhà hàng,... Các cơ sở thực nghiệm có loại nhất (5 sao), loại trung bình (3 sao) và loại thường để HS thực hành. Như thế HS sau khi tốt nghiệp sẽ có trình độ phục vụ khách sạn tương đương tầm quốc tế, tầm địa phương....

Trong tổng số giờ quy định học tập tại các trường có tính cả thời gian thực tập. HS học 3 năm, trong đó 2 năm đầu học tại trường, trong thời gian đó chủ yếu học kiến thức chuyên ngành, ngoại ngữ và kiến tập. Tới năm thứ 3, hầu hết thời gian HS đến khách sạn để thực tập tốt nghiệp. Để tăng cường hơn thông tin thị trường, tăng cường gắn nhà trường với xã hội, cán bộ nhà trường thường sinh hoạt với các đơn vị khác trong khu vực để nắm bắt thông tin.

Nhà trường luôn coi trọng trang bị cơ sở vật

chất tiên tiến, mô hình sát với yêu cầu nước ngoài để HS học tập, từ đó có thể tăng cường hơn việc gắn đào tạo với thực tiễn, gắn nhà trường với xã hội.

Trong phạm vi quốc gia, nhà trường có liên kết với 10 tỉnh khác để đào tạo. Trước đây nhà trường chỉ có quan hệ đối ngoại với các nước như Đức, Anh, đến nay có thêm Singapore, Hàn Quốc, hi vọng sắp tới có liên kết với Việt nam.

Theo quy định, chương trình (CT) trường dạy nghề gồm các môn văn hoá, môn nghề, giờ thực tập, giờ bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Các môn văn hoá có: Văn, Tiếng Anh, Toán, ngoài ra còn có Âm nhạc, Mĩ thuật. Căn cứ vào đặc điểm và xu thế phát triển, trường có mở các chuyên ngành. Mỗi ngành căn cứ chuyên môn sâu của mình mà có CT riêng và đào tạo trên cơ sở mục tiêu nhà trường, yêu cầu xã hội, khả năng của học viên. Theo CT, HS sau hơn 2 năm học trong trường được thực tập, chủ yếu ở 2 khách sạn. Có đầy đủ mục tiêu, yêu cầu, quy định, GV hướng dẫn để học viên có thể nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ thực tập.

CT học có môn bắt buộc và môn tự chọn. Môn văn hoá chuyên ngành có học phần bắt buộc, còn đối với các môn khác có phần tự chọn, đáp ứng yêu cầu và định hướng sau khi ra trường của mỗi em. Về cơ bản học viên phải hoàn thành môn bắt buộc về văn hoá và lí thuyết chuyên ngành. Sau 2 năm có được vốn cơ bản rồi mới mở rộng tự chọn cho HS. Các học phần tự chọn ở năm thứ 2 chủ yếu bổ sung về văn hoá và nghề nghiệp mà các em đã chọn.

Là trường nghề nên đơn vị đã cố gắng thoát khỏi những gì bó buộc của môn học, ngành học. CT được mở rộng và linh hoạt hơn, hướng vào mục tiêu đào tạo của nhà trường cũng như nhu cầu phát triển cá nhân. Hiện nay, trường đang cố gắng tập trung nghiên cứu CT mở như vậy.

Hiện nay ở TQ đã có danh mục chứng chỉ tay nghề, trường đào tạo theo danh mục đó, khi tốt nghiệp HS chẳng những được cấp bằng tốt nghiệp mà còn có thêm chứng chỉ tay nghề và được phép hành nghề mà không cần kiểm tra lại. Về tay nghề có các bậc cao cấp, trung cấp và sơ cấp. Nếu HS có bằng sơ cấp sau khi làm việc, được sát hạch có thể được chuyển lên bậc trên. HS khi học ở trường này ra có thể chỉ cần 1 hoặc 2 năm là có được chứng chỉ tay nghề bậc cao (thường thì HS ra trường đã có chứng chỉ tay

nghề bậc trung). Tại trường đã có nhiều GV có tay nghề bậc cao, chẳng hạn nghề pha rượu,... do đó HS sau khi học xong và đi làm họ vẫn có thể quay về trường cũ để thi tay nghề lên bậc trên, đương nhiên nhà trường được quyền cấp chứng chỉ đó.

Học phí cho một nghề tại trường là 2800 nhân dân tệ cho một năm học. Cũng có những nghề khác học phí thấp hơn, khoảng 1800 tệ/1năm học, tất nhiên nghề đó ít có cơ hội kiếm việc làm hơn. Học phí được thu thống nhất trong toàn quốc, theo quy định của Nhà nước. Học phí cao hay thấp tùy thuộc từng chuyên ngành, tùy thuộc chi phí cho đào tạo (về CSVN, TBDH, nguyên vật liệu cho thực hành, luyện tập,...). Chẳng hạn với học nghề ở trường Bách khoa (Bắc Kinh) thì có các mức: 1800 – 2000 – 2200 – 2800 – 4300 tệ/1năm học, tùy thuộc ngành mà HS chọn.

3. Một số kết luận

Qua nghiên cứu về GD TQ có thể thấy: TQ là đất nước có nền văn hoá lâu đời, có truyền thống tôn sư, trọng đạo, có tinh thần tự tôn dân tộc. Đó là những điểm tựa cho sự cải cách GD TQ. Việc nghiên cứu về cải cách CT ở TQ được tiến hành đồng bộ, bài bản, có chuẩn bị kĩ lưỡng. Việc phân luồng ở TQ mặc dù cũng gặp khó khăn, nhưng họ có những giải pháp có tính khả thi cao. Hệ thống trường nghề hiện đang hút được HS vào học. Vấn đề xã hội hoá GD đã được hưởng ứng.

Ghi chú: Các thông tin có được qua trao đổi với Viện KHGD Trung ương TQ (The China National Institute for Educational Research), Viện KHGD Bắc Kinh (Beijing Academy of Educational Sciences, China), Trường Đại học sư phạm Bắc Kinh (Beijing Normal University), Trường THPT Vọng Kinh (Beijing Jiao Ke Yuan Middle School), Trường đào tạo nhân viên đối ngoại Bắc Kinh (Beijing Foreign Affairs School, China) mà đoàn nghiên cứu Viện CL và CTGD đã thực hiện tháng 10 năm 2006.

SUMMARY

The author presents a number of sketches about streamed education, channelled education and secondary vocational schools in China.